

## Bài báo nghiên cứu

# TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM VÀ QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON

Nguyễn Thị Mạnh Tiến<sup>1\*</sup>, Trần Thị Hương<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trường Mầm non Happy House, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

<sup>2</sup>Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

\*Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Mạnh Tiến – Email: [manhtien@happyhouse.edu.vn](mailto:manhtien@happyhouse.edu.vn)

Ngày nhận bài: 25-4-2024; ngày nhận bài sửa: 05-6-2024; ngày duyệt đăng: 26-6-2024

## TÓM TẮT

Hoạt động trải nghiệm (HĐTN) và quản trị HĐTN cho trẻ ở trường mầm non là một trong những nội dung quan trọng trong quản trị nhà trường nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục mầm non, đồng thời cũng là vấn đề được quan tâm nghiên cứu rộng rãi trong nước và quốc tế. Thông qua tổng thuật các nghiên cứu tiêu biểu, bài viết trình bày kết quả tổng quan nghiên cứu về HĐTN và quản trị HĐTN cho trẻ ở trường mầm non. Nhìn chung, các nghiên cứu ở lĩnh vực này chủ yếu được thực hiện theo 03 hướng chính: Nghiên cứu về giáo dục trải nghiệm, về HĐTN và quản trị HĐTN ở trường mầm non. Kết quả nghiên cứu cho thấy đã có nhiều nghiên cứu về lý luận và thực tiễn liên quan đến giáo dục trải nghiệm, HĐTN trong nhà trường. Tuy nhiên, ở Việt Nam, còn ít nghiên cứu về quản trị HĐTN cho trẻ ở trường mầm non, đòi hỏi có thêm những nghiên cứu cả về lý luận lẫn thực tiễn nhằm thực hiện hiệu quả mục tiêu giáo dục mầm non trong bối cảnh đổi mới.

**Từ khóa:** hoạt động trải nghiệm; quản trị; trẻ mầm non; giáo dục mầm non; tổng quan nghiên cứu

## 1. Đặt vấn đề

Theo Nghị quyết 29-NQ/TW (2013): “Các hoạt động giáo dục (HĐGD) nhà trường cần thực hiện theo hướng tăng cường trải nghiệm, nhằm phát huy tính sáng tạo của học sinh (HS), tạo ra các môi trường khác nhau để HS trải nghiệm nhiều nhất, đồng thời là sự khơi nguồn sáng tạo, biến những ý tưởng sáng tạo của HS thành hiện thực để các em thể hiện hết khả năng sáng tạo của mình” (Central Executive Committee, 2013). Mục tiêu của chương trình giáo dục mầm non (GDMN) hiện hành là phát triển toàn diện các mặt của trẻ từ 3 đến 6 tuổi, chuẩn bị tâm thế cho trẻ vào lớp một. Đối với giáo dục (GD) mẫu giáo, chương trình GDMN nhấn mạnh “phương pháp GD phải tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”; chú trọng đổi mới tổ chức môi

---

*Cite this article as:* Nguyen Thi Manh Tien, & Tran Thi Huong (2024). Literature review on experiential activities and management of experiential activities for children in preschools. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 21(6), 1104-1117.

trường GD nhằm kích thích và tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, thử nghiệm và sáng tạo ở các khu vực hoạt động một cách vui vẻ” (Ministry of Education and Training, 2021).

HĐTN ở trường mầm non (MN) là HĐGD do giáo viên (GV) định hướng, thiết kế, tổ chức, hướng dẫn, tạo điều kiện và cơ hội tối đa cho trẻ tham gia, tiếp xúc, tương tác trực tiếp trong các hoạt động và các mối quan hệ xã hội nhằm hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của trẻ. Theo thông tư 25/2018/TT-BGDĐT (2018): “Quản trị nhà trường là quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện các định hướng, quy định, kế hoạch phát triển nhà trường” (Ministry of Education and Training, 2018a). Từ đó, quản trị HĐTN cho trẻ ở trường MN được hiểu là tác động có chủ đích, hợp quy luật của chủ thể quản trị trường MN đến HĐTN thông qua quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện các định hướng, quy định, kế hoạch, chương trình HĐTN nhằm thực hiện mục tiêu GD trẻ ở trường MN. Sử dụng các phương pháp nghiên cứu lí thuyết, bài viết trình bày kết quả phân tích tổng quan các hướng nghiên cứu về HĐTN và quản trị HĐTN cho trẻ ở trường MN. Kết quả nghiên cứu có vai trò định hướng xây dựng khung lí luận quan trọng làm cơ sở đánh giá thực trạng HĐTN và quản trị HĐTN cho trẻ ở trường MN, từ đó đề xuất biện pháp quản trị HĐTN cho trẻ ở trường MN mang lại hiệu quả hơn.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Tổng quan nghiên cứu về HĐTN và quản trị HĐTN ở trường mầm non

Đã có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến HĐTN và quản trị HĐTN ở trường MN theo ba hướng chính sau đây:

#### 2.1.1. Những nghiên cứu về giáo dục trải nghiệm

Những tư tưởng, quan điểm về GD trải nghiệm đã xuất hiện rất sớm ở giai đoạn GD cổ đại và GD cận đại. Những tư tưởng, quan điểm này ngày càng phát triển trong giai đoạn GD hiện đại, nhất là ở thế kỉ XX và đó cũng là xu thế GD cơ bản trong thế kỉ XXI. Ở giai đoạn GD hiện đại, nhiều lí thuyết và mô hình về GD trải nghiệm ra đời.

Lí thuyết về học tập trải nghiệm (experiential learning) được bắt nguồn đầu tiên từ công trình của Dewey (1938), tiếp đến được tổng hợp và phát triển qua những nhà nghiên cứu khác như: Piaget (1950), Hahn (1957), Freire (1970), Vygotsky (1978), Kolb (1984)... Khác với phương pháp học thuộc lòng, học tập trải nghiệm đề ra mô hình liên quan đến việc học từ kinh nghiệm trực tiếp của một người bao gồm việc xây dựng kiến thức, thái độ, niềm tin và chuyển giao kiến thức. Từ đó học tập có thể được hiểu là một quá trình chuyển hóa, chuyển giao kinh nghiệm thành tri thức. Có nhiều tác giả đã nghiên cứu về học tập trải nghiệm, tiêu biểu như:

Lev Vygotsky (1896-1934) đã giới thiệu lí thuyết “Vùng phát triển gần (ZPD)” ở những năm cuối cuộc đời, ông cho rằng “vùng tiềm năng” hầu hết mỗi người đều có và tiềm năng ấy bộc lộ thành hiện thực nếu có sự tương tác, nỗ lực và trải nghiệm tích cực. Trải nghiệm là cơ sở để người học giải quyết các vấn đề nhận thức, các vấn đề trong cuộc sống và là con đường để phát triển bản thân (Colin & John, 2002). Carl Rogers (1969) xem trọng học tập

thông qua thực hành trải nghiệm và cho rằng con người có tiềm năng học tập bẩm sinh, nếu việc học được tạo điều kiện thuận lợi sẽ phát triển đầy đủ nhận thức và tiềm năng của mỗi người. Đây chính là bản chất của học tập trải nghiệm. *Kurt Lewin* (1938) đề cao kinh nghiệm cụ thể tác động đến học tập và đã xây dựng mô hình học tập trải nghiệm gồm 4 giai đoạn: 1) Kinh nghiệm cụ thể; 2) Quan sát và phản ánh; 3) Hình thành khái niệm trừu tượng và khách quan; 4) Thử nghiệm những ứng dụng của khái niệm trong tình huống mới.

*John Dewey* (1938) đã nghiên cứu và đề cao GD trải nghiệm trong nhà trường. Ông đã đề ra quy trình học tập trải nghiệm gồm: 1) Quan sát các điều kiện xung quanh (Observation); 2) Hình thành kiến thức về những gì đã xảy ra (Knowledge); 3) Đánh giá, phán xét những gì quan sát được và những kiến thức thu được (Judgment). (Dao & Nguyen, 2018).

Dựa trên những kết quả nghiên cứu của các tác giả đi trước về vấn đề kinh nghiệm cá nhân trong học tập, *Kolb* (1984) đã kế thừa và nghiên cứu, phát triển *lí thuyết học tập trải nghiệm*. Ông đã xây dựng một mô hình gồm bốn giai đoạn để cụ thể hóa việc học tập thông qua trải nghiệm. Bốn giai đoạn cơ bản ấy là: 1) Kinh nghiệm cụ thể; 2) Quan sát và phản hồi; 3) Khái niệm hóa; 4) Thử nghiệm thực tế. Nhiều nghiên cứu về dạy học và GD ở các lĩnh vực xem mô hình học qua trải nghiệm này là nền tảng, đặc biệt rất nhiều nhà GD đã áp dụng và xem nó là nền tảng cơ bản cho việc GD thông qua các HĐTN.

Những nghiên cứu về GD trải nghiệm cho trẻ MN thể hiện ở những công trình nghiên cứu chuyên sâu về cơ sở khoa học, vai trò, lợi ích, mục tiêu, nguyên tắc và phương pháp GD trẻ em theo hướng trải nghiệm. Một số nghiên cứu tiêu biểu gồm:

*Jean Piaget* (1896-1980), một triết học gia người Thụy Sĩ nổi tiếng với lí thuyết “Nhận thức luận di truyền” là cơ sở khoa học quan trọng đối với GD trẻ em. Ông chỉ ra rằng hành động chính là bản chất và là quá trình cho trẻ phát triển trí thông minh: “Trí thông minh được định bởi kinh nghiệm và trí thông minh đó không phải là một đặc tính nội bộ bẩm sinh mà là một sản phẩm của sự tương tác giữa con người và môi trường sống của mình” (Vietnam Association of Psychology and Education, 1996). Qua đó có thể thấy, hành động và sự hiểu biết của trẻ phát triển từng bước thông qua sự tham gia tích cực các hoạt động trong môi trường xung quanh luôn được Piaget đề cao.

*Maria Tecla Artemisia Montessori* (1870-1952) là một bác sĩ, một nhà GD người Ý nổi tiếng với “phương pháp Montessori” là phương pháp GD tạo ra môi trường thân thiện, chuyên nghiệp cho trẻ học tập, đặc biệt có những giáo cụ riêng để thúc đẩy tiềm năng của trẻ. GD theo Montessori là trẻ được học tập thông qua trải nghiệm bởi các giác quan, đồng thời chú trọng tới môi trường để trẻ tìm tòi khám phá cuộc sống một cách tốt nhất. Đặc trưng của của phương pháp GD Montessori xoay quanh các lĩnh vực: giác quan; toán học; ngôn ngữ; văn hóa và thực hành cuộc sống. (Montessor, 2014).

*Loris Malaguzzi* (1920-1994) là nhà tâm lí học người Ý với “phương pháp Reggio Emilia” là phương pháp GD cho trẻ phát triển toàn diện các kĩ năng. Theo triết lí GD này, mỗi cá nhân con người thông qua các hoạt động tương tác giữa con người với nhau, với môi

trường xung quanh và với xã hội sẽ tích lũy thành những kinh nghiệm thực tế để xây dựng thành kiến thức cá nhân; kể cả trẻ em cũng như vậy, dựa vào trí tò mò tự nhiên của trẻ, nhà trường cần kết hợp với gia đình để tạo những điều kiện và những cơ hội cho trẻ tự do khám phá, xây dựng kiến thức riêng. Vì thế, phương pháp GD này tạo ra một môi trường, không gian học tập mở cho phép trẻ tự do tìm tòi khám phá, trẻ được khích lệ đưa ra những thắc mắc và khám phá để cảm nhận được thế giới có sự biến đổi không ngừng. Đặc biệt, các hoạt động vui chơi mà trẻ tham gia đều dựa trên sự tích cực, tự giác và tự nguyện. (Roussau, 2007). Ngoài ra còn có những phương pháp GD trẻ em theo hướng trải nghiệm như: Glenn Doma; Steiner; GD STEAM...

Như vậy, GD trải nghiệm là triết lí GD có cách tiếp cận và phương thức vận hành trọng tâm dựa vào lí thuyết học tập trải nghiệm. Trái ngược với phương thức GD truyền thống, GD trải nghiệm tổ chức cho người học chuyển hoá từ những kinh nghiệm ban đầu, thông qua những trải nghiệm khi trực tiếp làm việc trên đối tượng, qua đó giúp người học hình thành được biểu tượng và khái niệm mới đồng thời cũng thành thạo các năng lực thực hiện tương ứng. Đó chính là sự chuyển hoá phức tạp về những năng lực và niềm tin của người học thành những năng lực thực tiễn khi tham gia HĐGD.

### 2.1.2. Những nghiên cứu về HDTN

- *Những nghiên cứu về HDTN trong nhà trường*

HDTN là HĐGD được tổ chức có mục đích, nội dung, phương pháp khoa học trong nhà trường. Với ý nghĩa đó, những nghiên cứu ngoài nước về HDTN đã được đề cập trong các nghiên cứu về Chương trình GD trải nghiệm với các thành tố của một chương trình GD.

UNESCO (2002) với Chương trình GD vì sự bền vững (Education for a Sustainability) đã định nghĩa về phát triển bền vững, đồng thời đưa ra các chủ đề liên quan đến dạy học và GD. Chương trình GD vì sự bền vững bao gồm 4 chủ đề trọng tâm, trong đó có chủ đề về các phương pháp dạy học và học tập thông qua trải nghiệm là một trong các phương pháp được đề cập.

Vận dụng những quan điểm về mô hình tổ chức HDTN, các nước trên thế giới đã phát triển chương trình HDTN đa dạng như: HDTN sáng tạo tại Hàn Quốc; Hoạt động thực tiễn tổng hợp tại Trung Quốc; Hoạt động ngoại khóa và Chương trình học tập năng động tại Singapore; Hoạt động ngoại khóa hoặc HĐGD ngoài trời tại Australia. (N. T. Do, 2015).

Ở Việt Nam, theo định hướng của chương trình GD hiện hành, Đỗ Ngọc Thống (2015) trong công trình nghiên cứu của mình về vai trò của HDTN và việc tổ chức HDTN đã nhấn mạnh rằng: “Lâu nay, chương trình GD phổ thông Việt Nam đã có HĐGD nhưng chưa được chú ý đúng mức, chưa hiểu đúng vị trí, vai trò và tính chất của các hoạt động đó; chưa xây dựng được một chương trình hoạt động đa dạng, phong phú và chi tiết với đầy đủ các thành tố của một chương trình GD; chưa có hình thức đánh giá và sử dụng kết quả các HĐGD một cách phù hợp” (N. T. Do, 2015, pp.15-16). Tác giả đề xuất cần nghiên cứu kinh nghiệm quốc

tế để xác định những thành tố về nội dung, hình thức, phương pháp, đánh giá và điều kiện tổ chức HĐTN sáng tạo của Việt Nam.

Trong giai đoạn đổi mới GD hiện nay, có nhiều công trình nghiên cứu về *HĐTN trong chương trình GD các cấp học*. Điển hình: Nguyễn Thanh Bình (2008) cho rằng cùng chủ đề GD kỹ năng sống, quá trình HS tham gia vào HĐTN là quá trình HS đặt mình vào hoạt động thực tế, qua đó nhận thức được nâng cao, các kỹ năng được hình thành và thái độ cũng được phát triển vững chắc (Nguyen, 2008). Nguyễn Thị Hương (2012), Vũ Thị Ngọc Uyên (2013), Võ Trung Minh (2014) đều khẳng định mô hình học tập trải nghiệm có vai trò to lớn trong thực tiễn (Nguyen, 2015; Vu, 2013; Vo, 2014). Khi tổ chức các HĐTN sáng tạo cho HS hiện nay, Đinh Thị Kim Thoa (2015) đã làm rõ những cơ sở về mặt tâm lý và xác định các biện pháp GD cần thiết để thực hiện (Dinh, 2015). Đặng Thành Hưng (2016) đã đề ra những yêu cầu cụ thể cho GV khi tiến hành tổ chức thực hiện HĐGD theo hướng trải nghiệm (Dang, 2016). Nguyễn Văn Hạnh (2017) cho rằng học tập trải nghiệm có ý nghĩa và vai trò quan trọng, nó là trung tâm đối với việc đào tạo theo năng lực trong thời đại mới (V. H. Nguyen, 2017). Đào Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Hằng (2018) dựa trên những nghiên cứu của các tác giả trên thế giới đã hệ thống hóa lý thuyết về học tập trải nghiệm và thiết kế HĐTN theo quy trình cụ thể (Dao & Nguyen, 2018).

Với những quan điểm và định hướng đổi mới trong Chương trình GD phổ thông 2018 (Ministry of Education and Training, 2018b), HĐTN thực chất là HĐGD ngoài giờ lên lớp được tiến hành tổ chức theo phương thức trải nghiệm, Đinh Thị Kim Thoa (2019) đã nhấn mạnh HĐTN ở phổ thông chính là HĐGD mà không phải là một môn học và HĐTN sẽ tạo cho HS những cơ hội để huy động và tổng hợp những kiến thức, những kỹ năng ở các môn học và các lĩnh vực GD khác nhau để HS có thể trải nghiệm thực tiễn tại nhà trường, gia đình và xã hội (Dinh, 2019). Cũng theo hướng này, nhóm tác giả Trần Thị Hương, Nguyễn Đắc Thanh, Võ Thị Hồng Trước (2023) đã hệ thống hóa khái niệm, bản chất, đặc điểm của HĐTN ở trường phổ thông (Tran et al., 2023). Từ đó, các thành tố cơ bản của HĐTN được xác định gồm mục tiêu, nội dung, phương thức tổ chức và phương thức đánh giá kết quả HĐTN của HS trong điều kiện thực tiễn của nhà trường và địa phương. Đây là những cơ sở lý luận quan trọng nhằm định hướng cho quá trình đào tạo, chuẩn bị cho sinh viên sư phạm năng lực tổ chức HĐTN ở trường phổ thông.

*Hướng nghiên cứu về tổ chức HĐTN theo định hướng phát triển năng lực HS*, các tác giả Trần Doãn Vinh (2018); Nguyễn Mậu Đức, Đặng Thị Vân (2019); Lê Thị Lành (2020) đều cho rằng HĐTN tạo điều kiện cho HS trải nghiệm nhiều hơn, HS có thể vận dụng vào thực tiễn các kiến thức đã được học, qua đó HS hình thành nên những năng lực thực tiễn và phát triển tiềm năng của bản thân (Tran, 2018; Nguyen & Dang, 2019; Le, 2020).

*Hướng nghiên cứu về HĐTN trong chương trình môn học* cũng được quan tâm nghiên cứu bởi nhiều tác giả. Theo Võ Trung Minh (2015), học tập dựa vào trải nghiệm có vai trò quan trọng và được đánh giá cao, qua đó tác giả cũng đánh giá thực trạng dạy học GD môi

trường ở tiểu học (Vo, 2015). Nguyễn Thị Dung (2019) đã khẳng định rằng việc tổ chức HĐTN mang lại khả năng, hiệu quả cao trong dạy học tiếng Việt; thông qua HĐTN đã giúp HS tiểu học hiểu và vận dụng, từ đó kích thích được tính tích cực và chủ động của HS, phát triển những năng lực và phẩm chất cần thiết ở HS tiểu học (Nguyễn, 2019).

- *Những nghiên cứu về HĐTN cho trẻ ở trường MN*

Ở Việt Nam, HĐGD theo hướng trải nghiệm hay HĐTN ở trường MN được xác định là một trong những HĐGD cơ bản nhằm hình thành và phát triển toàn diện nhân cách cho trẻ MN. Do đó, lĩnh vực này cũng được nghiên cứu nhiều và theo hai hướng cơ bản sau đây:

*Nghiên cứu những định hướng chung về HĐGD theo hướng trải nghiệm* bao gồm xác định khái niệm, bản chất, mục tiêu, nguyên tắc, phương thức tổ chức GD trẻ theo hướng trải nghiệm được trình bày trong các giáo trình GDMN hoặc trong các sách chuyên khảo. Các tác giả Đỗ Chiêu Hạnh (2015), Nguyễn Thị Hòa (2015), Nguyễn Hiến Lê (2017) đã tổng kết những nguyên tắc, phương pháp GD tích cực lấy trẻ làm trung tâm, thay vì nhồi nhét các kiến thức và bắt trẻ phải tập trung để lĩnh hội thì hãy đáp ứng theo những nhu cầu vui chơi của trẻ, tạo điều kiện cho trẻ học nhẹ nhàng qua các quá trình tự chơi, tự trải nghiệm (C. H. Do, 2015; Nguyen, 2015; H. L. Nguyen, 2017). Hoàng Thị Phương (chủ biên, 2018) đã phân tích lí luận về GD theo hướng trải nghiệm cho trẻ MN, trong đó xác định khái niệm, quy trình GD, vai trò của trải nghiệm đối với GD trẻ MN, các yếu tố ảnh hưởng và các hình thức HĐGD trẻ ở trường MN. Công trình nghiên cứu này được xem là đầy đủ nhất về mặt lí luận của GD qua trải nghiệm đối với trẻ MN (Hoang, 2018).

*Nghiên cứu về tổ chức HĐTN cho trẻ ở trường MN xuất phát từ các lí thuyết và mô hình học tập trải nghiệm* của những nhà GD lớn của thế giới đã đề cập. Nguyễn Hồng Thuận (2002) cho rằng quá trình hình thành và phát triển nhân cách của trẻ nói chung và việc hình thành phát triển tính tự lập của trẻ nói riêng, trước hết và chủ yếu phải dựa vào các kinh nghiệm tích cực trong quá trình tham gia các hoạt động hàng ngày trong cuộc sống mà trẻ thu lượm, tiếp thu được (Nguyễn, 2002). Hoàng Thị Phương (2003) kết luận rằng nét văn hóa trong hành vi giao tiếp được hình thành trong thực tiễn cuộc sống, trong quá trình con người lĩnh hội và tiếp thu kinh nghiệm, có nguồn gốc phát triển từ bên ngoài đưa trẻ, nhưng chính tính tích cực của trẻ mới quy định sự phát triển của nó (Hoang, 2003). Ngô Công Hoàn (2016) cho rằng khi tổ chức các HĐTN cho trẻ MN cần đảm bảo các yêu cầu về môi trường, chương trình phát triển, không gian, thời gian, sự tương tác xã hội và đồ chơi trong HĐTN (Ngo, 2016). Nguyễn Thị Hải Yến (2017) cho rằng qua trải nghiệm, trẻ có được những kiến thức và kĩ năng của bản thân mà không phải là do sự áp đặt của GV, đó chính là kết quả cho quá trình chủ động tìm tòi và tích cực, sáng tạo ở trẻ (T. H. Y. Nguyen, 2017). Lã Thị Bắc Lý (2017) kết luận rằng trong các chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ tham gia hoạt động có thể giúp trẻ thực hiện phát triển vốn từ, trong đó HĐTN có nhiều ưu thế (La, 2017). Nguyễn Thị Xuân (2017) khẳng định rằng để phát huy tính chủ động và tính tích cực của HS một cách tối đa thì GD trải nghiệm là phương pháp tối ưu, qua đó các năng lực về nhận thức và

năng lực về giải quyết vấn đề của HS được nâng cao (T. X. Nguyen, 2017). Theo Nguyễn Mạnh Tuấn, Hoàng Thị Phương (2017), đa số GV chưa hiểu rõ về bản chất của HĐTN, chưa tổ chức được HĐTN theo quy trình và do đó HĐTN ở các trường vẫn còn những hạn chế nhất định (Nguyen & Hoang, 2017). Lê Thị Kim Anh (2017) nhận định rằng nếu HĐTN được tổ chức bằng những hình thức phong phú, đa dạng sẽ tạo cho trẻ môi trường học tập sống động và có ý nghĩa thực tiễn cao vì trong đó có các hoạt động để các trẻ tương tác với nhau và tương tác giữa trẻ với môi trường (Le, 2017). Chu Thị Hồng Nhung (2017) khuyến nghị rằng trong quá trình đổi mới GDMN hiện nay, cần ưu tiên sử dụng HĐTN như một phương pháp GD tích cực để trẻ thích thú tham gia. “Chơi mà học - học mà chơi” cũng là tiêu chí mà Hoàng Thị Dinh và các cộng sự (2017) đã nhấn mạnh khi thực hiện tổ chức hoạt động cho trẻ học tập, qua đó đề cao vai trò của trẻ là trung tâm và tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ thực hành trải nghiệm (Chu, 2017). Hoàng Thị Phương (chủ biên, 2018) đã đề xuất mô hình để tổ chức HĐGD theo hướng trải nghiệm cho trẻ MN, đồng thời hướng dẫn chi tiết cho GV các bước thực hiện mô hình này trong các HĐGD trẻ ở trường MN (Hoang, 2018).

Như vậy, HĐTN trong nhà trường Việt Nam nói chung và ở trường MN nói riêng không phải là một vấn đề quá mới, đó là HĐGD đã được nghiên cứu và thực hiện trong thực tiễn GD. Tuy nhiên HĐTN được nghiên cứu và tiếp tục tổ chức thực hiện trong các chương trình và HĐGD nhà trường với mục tiêu, nội dung, phương thức tổ chức và quy trình khoa học nhằm phát triển người học một cách toàn diện về năng lực và phẩm chất.

### 2.1.3. Nghiên cứu về quản trị HĐTN

- *Nghiên cứu về quản trị HĐTN trong nhà trường*

Quản trị HĐTN trong nhà trường nói chung đã được nghiên cứu và đề cập trong các công trình về quản lý GD, quản lý hoạt động dạy học và GD theo hướng trải nghiệm, đồng thời thể hiện trong thực tiễn xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và chỉ đạo thực hiện chương trình GD trải nghiệm ở các nước. Trong đó chỉ rõ vai trò ý nghĩa và sự cần thiết của công tác quản lý HĐGD theo hướng trải nghiệm.

Nghiên cứu của Megan Rachel Adams (2013) nêu rõ tầm quan trọng của người lãnh đạo, đồng thời cần phát triển vai trò lãnh đạo thông qua nhiều HĐGD khác nhau và sự ảnh hưởng của việc trở thành hiệu trưởng cốt cán (Adams, 2013). Thông qua quá trình phân tích mô hình “Cộng đồng học tập”, nhà GD Manabu và Masaaki (2015) khẳng định rằng đây là mô hình đổi mới toàn diện nhà trường, đòi hỏi sự đổi mới trong tư duy và sự sáng tạo của nhà quản lý, từ đó các nhà quản lý linh hoạt áp dụng mô hình này vào quản lý tổ chức HĐTN (Manabu & Masaaki).

Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2017) trong nghiên cứu về GD giá trị và kỹ năng sống cho HS đã phân tích và chỉ ra rằng để phát huy năng lực cho HS thì các hoạt động ngoại khóa có nội dung được xây dựng phải gắn với nội dung GD kỹ năng sống và gắn với các HĐTN sáng tạo. Từ đó tác giả làm rõ sự cần thiết của công tác quản lý hoạt động ngoại khóa trải nghiệm sáng tạo cho HS phổ thông theo hướng phát triển năng lực (T. M. L. Nguyen, 2017).

Trong công tác quản lí GD, Nguyễn Tiến Hùng (2020) đã khẳng định rằng các vấn đề trong thực tiễn muốn được giải quyết thì người học phải biết áp dụng lí luận vào thực tiễn. Đặc biệt, sự phối hợp và gắn kết tham gia giữa các lực lượng trong nhà trường, gia đình, cộng đồng là không thể thiếu. Những thông tin quan sát được sẽ được phản ánh thông qua quá trình trải nghiệm cụ thể, các kiến thức được củng cố, phát triển và được vận dụng vào cuộc sống thực tiễn. Qua đó, tác giả công bố quy trình quản lí HĐTN gồm các khâu trong chức năng quản lí như: lập kế hoạch; lãnh đạo, tổ chức thực hiện kế hoạch; kiểm soát, đánh giá kết quả và phản hồi thông tin để cải tiến. Đồng thời, tác giả cho rằng cần vận dụng quy trình này để thực hiện công tác quản lí sao cho phù hợp ở từng cấp học và bậc học (Nguyen, 2020).

Bên cạnh đó, vấn đề quản lí HĐGD theo hướng trải nghiệm trong các loại hình trường được một số tác giả tiếp cận nghiên cứu và đã hệ thống hóa thành những cơ sở lí luận cơ bản về HĐGD và quản lí HĐGD theo hướng trải nghiệm, từ đó tiến hành đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp quản lí HĐGD theo hướng trải nghiệm ở nhà trường như: Trần Đại Nghĩa (2018); Lê Tiến Sĩ (2019); Lê Thị Hoài Thương (2023); Nguyễn Thị Hồng Hiền (2018); Đặng Thị Thanh Thảo (2020)... (Tran, 2018; Le, 2019; Le, 2023; Nguyen, 2018; Dang, 2020)

- *Nghiên cứu về quản trị HĐTN trong trường MN*

Theo Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở GDMN đã quy định tiêu chuẩn về quản trị nhà trường là quản trị các hoạt động trong nhà trường đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng GD, phát triển toàn diện trẻ em, phù hợp với đặc điểm sinh lí và nhu cầu của trẻ em trong nhà trường. Các tiêu chí quản trị nhà trường gồm: Tổ chức xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường; Quản trị hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe của trẻ em; Quản trị HĐGD trẻ em; Quản trị nhân sự nhà trường; Quản trị tổ chức, hành chính nhà trường; Quản trị tài chính nhà trường; Quản trị cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học của nhà trường; Quản trị chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, GD trẻ em trong nhà trường. Quản trị HĐGD trẻ em là “tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch HĐGD trẻ em; đánh giá mức độ phát triển về thể chất, ngôn ngữ, nhận thức, tình cảm - xã hội và thẩm mỹ của trẻ theo quy định” (Ministry of Education and Training, 2018a).

Chương trình GDMN không chỉ quy định về mục tiêu, về nội dung của chương trình, các định hướng về phương thức tổ chức và đánh giá kết quả GD trẻ mà còn thể hiện những quan điểm về xây dựng và phát triển chương trình GD, làm cơ sở pháp lí cho công tác quản trị HĐTN ở trường MN. Chương trình của độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo được đảm bảo có sự kết nối chặt chẽ với nhau và có sự liên thông với chương trình GD ở bậc học phổ thông. Các quan điểm về GD toàn diện, theo hướng tích hợp hoặc lấy trẻ làm trung tâm đều được thể hiện rõ trong chương trình GDMN. Bên cạnh đó, trong Chương trình GDMN (2021) có đề cập những nội dung về tổ chức và quản lí cơ sở GDMN, về cán bộ quản lí (CBQL), GV,



nhân viên và các điều kiện về cơ sở vật chất, học liệu, thiết bị GD và xã hội hóa GD là những điều kiện cơ bản và cần thiết để thực hiện chương trình. Những căn cứ pháp lý quy định mục tiêu, nội dung, phương pháp tổ chức HĐGD và điều kiện thực hiện chương trình GDMN là cơ sở quan trọng để CBQL tổ chức và quản trị HĐTN cho trẻ MN.

Với đề tài nghiên cứu bài viết “Quản lý HĐTN ở trường MN đáp ứng yêu cầu đổi mới GD”, Cao Thị Hồng Nhung (2017) khẳng định rằng HĐTN được tổ chức ở trường MN sẽ tạo ra nhiều cơ hội và điều kiện thuận lợi cho trẻ được phát triển, khơi dậy tiềm năng ở trẻ, giúp trẻ vận dụng kinh nghiệm đã tích lũy được để giải quyết những tình huống thực tế. Đồng thời, tác giả xác định ý nghĩa quan trọng trong công tác quản lý HĐTN ở trường MN, đó là giúp cho các cơ sở GDMN triển khai và thực hiện tổ chức các HĐTN cho trẻ MN. Để quản lý HĐTN trong trường MN có hiệu quả, tác giả cũng đã đề ra 5 biện pháp sau: Một là đổi mới quản lý chuyên môn GDMN nhằm tạo cơ hội và khuyến khích GV MN tăng cường các HĐTN cho trẻ; Hai là nâng cao chất lượng bồi dưỡng CBQL và GV MN về công tác tổ chức HĐTN, từng bước nâng cao hiệu quả của HĐTN, đảm bảo nguyên tắc lấy trẻ làm trung tâm; Ba là chỉ đạo GV MN tổ chức phong phú các hình thức trải nghiệm cho trẻ, tạo cơ hội tốt cho trẻ trải nghiệm và hoạt động tích cực phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ; Bốn là hướng dẫn, giúp đỡ GV MN tổ chức các HĐTN cho trẻ về quan sát, xây dựng môi trường, xây dựng kế hoạch trải nghiệm, tăng cường tính chủ động sáng tạo của trẻ, đánh giá sự tiến bộ của trẻ để có những tác động phù hợp; Cuối cùng là làm tốt công tác phối hợp giữa nhà trường, phụ huynh và cộng đồng tạo điều kiện nâng cao nguồn lực và chất lượng của các HĐTN.

## **2.2. Một số định hướng nghiên cứu về quản trị HĐTN ở trường mầm non tại Việt Nam**

Tổng quan nghiên cứu về quản trị HĐTN trong nhà trường nói chung và trường MN nói riêng đều khẳng định công tác quản lý HĐTN có tầm quan trọng trong nhà trường, góp phần nâng cao hiệu quả của việc tổ chức HĐTN trong nhà trường. Các nghiên cứu đã đề cập những cơ sở khoa học quan trọng của quản trị HĐTN trong nhà trường đó là GD trải nghiệm và HĐTN, các nghiên cứu cũng công bố kết quả nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý HĐGD theo hướng trải nghiệm, đánh giá thực trạng theo các nội dung hoặc chức năng quản lý và đề xuất các biện pháp quản lý HĐTN ở các loại hình nhà trường và địa phương cụ thể. Tuy nhiên, đa số tập trung nhiều vào nghiên cứu về HĐTN, quản lý HĐTN ở bậc học phổ thông mà chưa có nhiều nghiên cứu về quản trị HĐTN ở trường MN. Quản trị HĐTN ở trường MN thực chất là hoạt động quản lý nhưng chú trọng vào đặc thù chương trình GDMN theo các loại hình trường MN, độ tuổi của trẻ MN, điều kiện thực tế của trường MN ở mỗi địa phương với đặc trưng của quản trị là tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và giải trình. Vì thế, quản trị HĐTN cho trẻ ở trường MN là khoảng trống chưa được sự quan tâm và nghiên cứu của nhiều tác giả. Từ những tổng quan nghiên cứu về quản trị HĐTN trong nhà trường nói chung và trong trường MN nói riêng, có thể định hướng xây dựng cơ sở lý luận về HĐTN và quản trị HĐTN ở trường MN, có thể tập trung vào:

- (i) Xác định các khái niệm cơ bản về HĐTN và quản trị HĐTN ở trường MN

- (ii) Xác định các thành tố cơ bản của HĐTN ở trường MN
- (iii) Xác định các chức năng và nội dung quản trị HĐTN ở trường MN
- (iv) Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quản trị HĐTN ở trường MN

### 3. Kết luận

Nhìn chung, các nghiên cứu đều khẳng định vai trò, lợi ích, cơ sở khoa học của HĐTN và quản trị HĐTN trong trường MN. Các công trình nghiên cứu đã công bố kết quả nghiên cứu cơ sở lý luận về chức năng quản lý HĐTN, đánh giá thực trạng theo các chức năng quản lý HĐTN và đề xuất những biện pháp để quản lý HĐTN ở các địa phương cụ thể. Tuy nhiên đa số các nghiên cứu đều tập trung vào công tác quản lý HĐGD theo hướng trải nghiệm, quản lý HĐTN ở bậc học phổ thông mà chưa chú trọng đến quản trị HĐTN ở trường MN. Từ những tổng quan nghiên cứu về GD trải nghiệm, HĐTN và quản trị HĐTN trong nhà trường nói chung và trong trường MN nói riêng, có thể định hướng xây dựng cơ sở lý luận về HĐTN và quản trị HĐTN ở trường MN, từ đó xác định thực trạng quản trị HĐTN, đề xuất các giải pháp để quản trị HĐTN cho trẻ ở trường MN phù hợp với điều kiện thực tiễn, góp phần thực hiện mục tiêu GDMN.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Adams, M. R. (2013). *Growing as a Leader through Developing Others: The Effect of Being a Mentor Principal*. University of Nebraska-Lincoln.
- Cao, T. H. N. (2017). Quan li hoạt động trải nghiệm ở trường mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục [Managing experiential activities in preschools to meet the requirements of educational innovation]. *Education Magazine, Special Issue December 2017*, 2-4.
- Central Executive Committee. (2013). *Nghi quyết số 29-NQ/TW ban hành ngày 4 tháng 11 năm 2013 về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế* [Resolution No. 29-NQ/TW issued on November 4, 2013 on Fundamental and comprehensive innovation of education and training to meet the requirements of industrialization and modernization in the socialist-oriented market economic conditions and international integration].
- Chu, T. H. N. (2017). *Giao dục lòng nhân ái cho trẻ 5 - 6 tuổi qua trải nghiệm ở trường mầm non* [Educating compassion for 5-6 year old children through experiences in preschool]. Doctoral thesis, Vietnam Academy of Educational Sciences.
- Colin M. B., & John, P. W. (2002). *The power of experiential learning: a handbook for trainers and educator*. Kogan Page.
- Dang, T. H. (2016). Day học khoa học ở tiểu học theo hướng tìm tòi thực nghiệm [Teaching science in primary school in the direction of experimental exploration]. *Journal of Educational Science*, (132), 42-45.

- Dang, T. T. T. (2020). Phoi hop cac luc luong xa hoi tham gia to chuc hoat dong trai nghien cho hoc sinh trong cac nha truong [Combining social energy experience to participate in organizing activities for students in schools]. *Educational Management Magazine*, 12(7), 63-66.
- Dao, T. N. M., & Nguyen, T. H. (2018). Hoc tap trai nghien - li thuyet va van dung vao thiet ke, to chuc hoat dong trai nghien mon hoc o truong pho thong [Experiential learning - theory and application to design and organization of experiential activities in high school subjects]. *Education Magazine*, 433(1), 36-40.
- Dewey, J. (1938). *Experience & Education*. New York: Collier Books.
- Dinh, T. K. T. (2015). *Hoat dong trai nghien sang tao - Goc nhin tu ly thuyet "hoc tu trai nghien"* [Creative experiential activities - Perspective from the theory of "learning from experience"]. Ministry of Education and Training - Training materials 2015.
- Dinh, T. K. T., Bui, N. D., Vu, P. L., Lai, T. Y. N., & Tran, T. Q. T. (2019). *To chuc hoat dong trai nghien 1* [Organizing experiential activities 1]. Vietnam Education Publishing House.
- Do, C. H. (2015). Thiet ke moi truong giao duc cho nhom tre 6 - 12 thang tuoi o truong mam non [Designing an educational environment for children 6 - 12 months old in preschool]. *Ho Chi Minh City Pedagogical University Science Magazine*, 8 (74), 148-158.
- Do, N. T. (2015). Hoat dong trai nghien sang tao tu kinh nghien giao duc quoc te va van de cua Viet Nam [Creative experiential activities from international educational experiences and Vietnamese issues]. *Vietnam Journal of Educational Sciences*, (115), 13-16.
- Freire, P. (1970). *Pedagogy of the oppressed* (M. B. Ramos, Trans.). Continuum.
- Hahn, K. (1957). *Outward bound*. World Books.
- Hoang, T. D., Nguyen, T. T. G., Bui, T. K. T., Luong, T. B., Nguyen, T. Q., Bui, T. L., & Hoang, T. T. H. (2017). *Huong dan thuc hanh ap dung quan diem giao duc lay tre lam trung tam trong truong mam non* [Practical guidance on applying a child-centered educational perspective in preschool]. Vietnam Education Publishing House.
- Hoang, T. P. (2003). *Mot so bien phap giao duc hanh vi giao tiep co van hoa cho tre 5 - 6 tuoi* [Some measures to educate cultural communication behavior for 5-6 year old children]. Doctoral thesis, Vietnam Academy of Educational Sciences.
- Hoang, T. P., La, T. B. L., Bui, T. L., Nguyen, M. T., Nguyen, T. M. D., & Vu, T. V. (2018). *To chuc hoat dong giao duc theo huong trai nghien cho tre o truong mam non* [Organizing experiential educational activities for children in kindergarten]. Hanoi University of Education Publishing House.
- Kolb, D. A. (1984). *Experiential learning: experience as the source of learning and Development*. Prentice-Hall.
- Kurt, L. (1938). *The conceptual representation and measurement of psychological forces*. Duke University Press.
- La, T. B. L. (2017). Phat trien von tu cho tre mau giao thong qua hoat dong trai nghien [Developing vocabulary for preschool children through experiential activities]. *Vietnam Journal of Education*, Special Issue December (12), 32-35.
- Le, T. H. T. (2023). *Quan li to chuc hoat dong trai nghien, huong nghiep theo huong phat trien pham chat, nang luc hoc sinh o cac truong trung hoc pho thong thanh pho Ha Noi* [Manager of organizing experiential activities and career guidance towards developing students' qualities and abilities in high schools in Hanoi]. Doctoral thesis, Vinh University.

- Le, T. K. A. (2017). *Giao duc hanh vi bao ve moi truong qua trai nghiem cho tre mau giao 4 - 5 tuoi* [Educating environmental protection behavior through experience for preschool children 4 - 5 years old]. Doctoral thesis, Hanoi University of Education.
- Le, T. L. (2020). Day hoc trai nghiem mon dia li lop 12 theo dinh huong phat trien nang luc [Experiential teaching of geography for grade 12 based on capacity development]. *Journal of Education*, (490), 29-33.
- Le, T. S. (2019). Thuc trang quan li hoat dong trai nghiem theo dinh huong phat trien nang luc hoc sinh o cac truong trung hoc co so quan Thu Duc, Thanh pho Ho Chi Minh [Current status of managing experiential activities oriented towards developing student capacity in secondary schools in Thu Duc district, Ho Chi Minh City]. *Journal of Education*, Special issue July, 53-60.
- Manabu, S., & Masaaki, S. (2015). *Cong dong hoc tap - Mo hinh doi moi toan dien nha truong* [Learning community - Comprehensive school innovation model]. (Translates by: Khong, T. D. H). University of Education Publishing House.
- Ministry of Education and Training. (2018a). *Thong tu so 25/2018/TT-BGDĐT ve Quy dinh chuan hieu truong co so giao duc mam non* [Circular No. 25/2018/TT-BGDĐT on Regulations on standards for principals of preschool education establishments].
- Ministry of Education and Training. (2018b). *Thong tu so 32/2018/TT-BGDĐT ban hanh Chuong trinh giao duc pho thong* [Circular No. 32/2018/TT-BGDĐT on promulgating the General Education Program].
- Ministry of Education and Training. (2021). *Thong tu so 01/VBHN-BGDĐT ban hanh Chuong trinh Giao duc mam non* [Circular No.01/VBHN-BGDĐT on promulgating the Preschool Education Program].
- Montessori, M. (2014). *Tre tho trong gia dinh* [Children in the family]. (Translated by: Trinh, X. T. & Nghiem, P. M.). Knowledge Publishing House.
- Ngo, C. H. (2016). *Phuong phap to chuc cac hoat dong trai nghiem cho tre lua tuoi mam non (tu lot long den 6 tuoi)* [Methods of organizing experiential activities for preschool children (from birth to 6 years old)]. Proceedings of the Workshop on innovation in preschool education methods, Hanoi Capital University, 20-30.
- Nguyen, H. L. (2017). *Thoi moi day con theo huong moi* [A new time to teach children in a new direction]. Hong Duc Publishing House.
- Nguyen, H. T. (2002). *Mot so bien phap tac dong cua gia dinh nham phat trien tinh tu lap cho tre mau giao 5 - 6 tuoi* [Some family impact measures to develop independence for 5-6 year old preschool children] [Doctoral thesis in Education, Hanoi University of Education].
- Nguyen, M. T., & Hoang, T. P. (2017). Thuc trang to chuc hoat dong trai nghiem cho tre o truong mam non [The current situation of organizing experiential activities for children in preschool]. *Journal of Education*, Special Issue December, 20-23.
- Nguyen, M. D., & Dang, T. V. (2019). Thiet ke va to chuc hoat dong trai nghiem trong day hoc Hoa vo co lop 11 theo dinh huong phat trien nang luc [Designing and organizing experiential activities in teaching 11th grade Inorganic Chemistry according to the orientation of capacity development]. *Journal of Education*, (450), 41-47.
- Nguyen, T. B. (2008). Giao duc ki nang song dua vao trai nghiem [Life skills education based on experience]. *Journal of Education*, (203), 18-19.

- Nguyen, T. D. (2019). *Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Tiếng Việt cho học sinh lớp 4, 5* [Experiential activities in teaching Vietnamese for students in grades 4 and 5]. Doctoral thesis, Hanoi University of Education.
- Nguyen, T. H. Y. (2017). Giáo dục kĩ năng xã hội cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi qua trải nghiệm ở trường mầm non [Social skills education for preschool children 5-6 years old through experiences in preschool]. *Journal of Education*, (406), 14-18.
- Nguyen, T. H. H. (2018). Một số vấn đề về tăng cường quản lý hoạt động trải nghiệm trong quản lý đào tạo theo tiếp cận chuẩn đầu ra ở các trường Đại học khối ngành nghệ thuật [Some issues on enhancing the management of experiential activities in training management according to the output standards approach at universities in the arts sector]. *Journal of Education*, Special Issue September, 42-45.
- Nguyen, T. H. (2012). Từ lý thuyết kiến tạo đến mô hình học tập trải nghiệm và khả năng ứng dụng trong dạy học môn giáo dục học [From constructivist theory to experiential learning model and applicability in teaching education]. *Journal of Education*, (291), 27-29.
- Nguyen, T. H. (2015). *Giáo dục học mầm non* [Preschool education]. Hanoi University of Education Publishing House.
- Nguyen, T. H. (2020). Quản lý học tập trải nghiệm [Experiential learning management]. *Vietnam Journal of Educational Sciences*, (27), 10-14.
- Nguyen, T. M. L. (2017). *Giáo trình quản lý giáo dục; Giáo dục Gia tri và kỹ năng sống cho học sinh phổ thông* [Educational management curriculum; Values and life skills education for high school students]. Ministry of Education and Training.
- Nguyen, T. X. (2017). Vận dụng mô hình giáo dục trải nghiệm của D. A. Kolb vào tổ chức hoạt động học cho trẻ mầm non [Applying D. A. Kolb's experiential education model to organize learning activities for preschool children]. *Journal of Education*, Special Issue II, August.
- Nguyen, V. H. (2017). Học tập trải nghiệm: một lý thuyết học tập đóng vai trò trung tâm trong đào tạo theo năng lực [Experiential learning: a learning theory that plays a central role in competency-based training]. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science - Education Science*, 14(1), 179-187.
- Piaget, J. (1950). *The psychology of intelligence*. Routledge.
- Rogers, C. R. (1969). *Freedom to Learn: A View of What Education Might Become*. Charles Merrill.
- Roussau, J. J. (2007). *Emili hay là về giáo dục* [Emili or about education]. Education Publishing House.
- Tran, D. N. (2018). *Quản lý hoạt động trải nghiệm ở các trường trung học phổ thông chuyên khu vực Bắc miền Trung Việt Nam* [Managing experiential activities in specialized high schools in the North Central region of Vietnam]. Doctoral thesis, Vietnam Institute of Educational Sciences.
- Tran, D. V. (2018). Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Tin học ở cấp tiểu học theo định hướng phát triển năng lực [Designing experiential activities in teaching Information Technology at the elementary level according to the orientation of capacity development]. *Journal of Education*, (437), 54-58.
- Tran, T. H., Nguyen, D. T., & Vo, T. H. T. (2023). *Giáo dục học* [Education]. Ho Chi Minh City University of Education Publishing House.
- UNESCO. (2002). *Education for a Sustainability - From Rio to Johannesburg: Lessons learnt from a decade of commitment*.

- Vietnam Association of Psychology and Education. (1996). J. Piagie – nha tam li hoc vi dai the ki XX (1896-1996) [J. Piagie - great psychologist of the twentieth century (1896-1996)]. *Proceedings of scientific conferences held in Hanoi December 11, 1996 and Ho Chi Minh City December 27, 1996.*
- Vo, T. M. (2014). Van dung mo hinh giao duc trai nghiem (David Kolb) trong day hoc o tieu hoc [Applying the experiential education model (David Kolb) in elementary school teaching]. *Journal of Education*, (332), 23-25.
- Vo, T. M. (2015). *Giao duc moi truong dua vao trai nghiem trong day hoc mon khoa hoc o tieu hoc* [Environmental education based on experience in teaching science in elementary schools]. Doctoral thesis, Vietnam Academy of Educational Sciences.
- Vu, T. N. U. (2013). Van dung mo hinh giao duc trai nghiem cua David A. Kolb vao day hoc mon tu nhien va xa hoi o tieu hoc [Applying David A. Kolb's experiential education model to teach nature and social subjects in elementary schools]. *Journal of Education*, (314), 36-38.
- Vygotsky, L. S. (1978). *Mind and society: The development of higher mental processes*. Harvard University Press.

---

**LITERATURE REVIEW ON EXPERIENTIAL ACTIVITIES  
AND MANAGEMENT OF EXPERIENTIAL ACTIVITIES FOR CHILDREN  
IN PRESCHOOLS**

**Nguyen Thi Manh Tien<sup>1\*</sup>, Tran Thi Huong<sup>2</sup>**

<sup>1</sup>Happy House Preschool, Tan Phu District, Vietnam

<sup>2</sup>Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

\*Corresponding author: Nguyen Thi Manh Tien – Email: manhtien@happyhouse.edu.vn

Received: April 25, 2024; Revised: June 05, 2024; Accepted: June 26, 2024

**ABSTRACT**

*The management of experiential activities for preschool children is a crucial administrative component in achieving preschool education goals and represents a significant research focus both domestically and internationally. This article presents a review of research on the management of experiential activities in preschool settings. The literature review reveals three primary research directions: (1) experiential education theory, (2) experiential activities in preschools, and (3) management of experiential activities in preschool settings. Findings indicate a substantial body of theoretical and empirical research related to experiential education and activities in preschools. However, there is limited research specifically addressing the management of experiential activities for preschool children in Vietnam. This gap in the literature underscores the need for further theoretical and empirical investigations to effectively realize preschool education goals in the contemporary context.*

**Keywords:** experiential activities; management; preschool children; preschool education; study overview